

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-Đ Đ-KHTC ngày.../.../2026 của Cục trưởng
Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai)*

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	2.775	2.775	0	2.775
1	Lệ phí	0	0	0	0
2	Phí	2.775	2.775	0	2.775
2.1	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	2.775	2.775	0	2.775
	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng, thẩm định dự án đầu tư xây dựng	2.775	2.775	0	2.775
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	2.576	2.576	0	2.576
1	Chi sự nghiệp kinh tế thủy lợi và dịch vụ thủy lợi (lĩnh vực Phòng, chống thiên tai)	0	0	0	0
2	Chi quản lý hành chính	2.576	2.576	0	2.576
2.1	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	2.576	2.576	0	2.576

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	2.210	2.210	0	2.210
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	366	366	0	366
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	533.735	533.735	0	533.735
1	Chi quản lý hành chính	38.416	38.416	0	38.416
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	29.671	29.671	0	29.671
	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	29.671	29.671	0	29.671
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	8.745	8.745	0	8.745
	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	8.745	8.745	0	8.745
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	91	91	0	91
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0	0	0
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	0	0	0	0
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	0	0	0	0
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	91	91	0	91

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
2.3.1	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	91	91	0	91
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	91	91	0	91
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	551	551	0	551
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	551	551	0	551
3.2.1	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	551	551	0	551
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	494.677	494.677	0	494.677
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	494.677	494.677	0	494.677
6.2.1	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	58.200	58.200	0	58.200
6.2.2	Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật PCTT	4.288	4.288	0	4.288
6.2.3	Văn phòng đối tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai	255	255	0	255
6.2.4	Ban Quản lý dự án hỗ trợ kỹ thuật giảm nhẹ rủi ro thiên tai	2.677	2.677	0	2.677

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
6.2.5	Ban Quản lý dự án Tăng cường khả năng chống chịu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu cho trẻ em	2.386	2.386	0	2.386
6.2.6	Ban Quản lý dự án "Nâng cao năng lực giảm thiểu rủi ro lũ quét và sạt lở đất ở khu vực miền núi phía Bắc"	482	482	0	482
6.2.7	Kinh phí ủy quyền cho các Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý khẩn cấp (cấp bách) đê điều	426.389	426.389	0	426.389
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
II	Nguồn vốn viện trợ	112.006	112.006	0	112.006
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	112.006	112.006	0	112.006

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
6.1	Văn phòng Cục Quản lý đề điều và PCTT	80.441	80.441	0	80.441
6.2	Ban Quản lý dự án hỗ trợ kỹ thuật giảm nhẹ rủi ro thiên tai	7.395	7.395	0	7.395
6.3	Ban Quản lý dự án Tăng cường khả năng chống chịu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu cho trẻ em	24.170	24.170	0	24.170
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0

Ngày tháng năm 2026

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Vũ Xuân Thành